TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc S xây dựng gia đình với ông Nguyễn Tiến V vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà S và ông V hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, ông V không lo làm ăn, nhiều lần sử dụng ma túy, tháng 06/2022 ông V đi cai nghiện ma túy, sau khi cai nghiện về ông V vẫn không cai nghiện được, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà S và ông V ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan

tâm gì đến nhau, không còn lệ thuộc gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà S và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 04/9/2021 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 27/8/2022, hiện 02 con chung đang sống với ông V. Bà S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T, đồng ý để ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện bà S đang làm công nhân tại Công ty TNHH F tại quận G, thành phố Hồ Chí Minh thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 6.000.000đ đến 8.000.000đ. Bà S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên T vì trong thời gian sinh con chung tên T gia đình ông V không thừa nhận cháu T là con chung của bà S và ông V; gia đình ông Văn c thừ nhận cháu L là con chung của ông V và bà S, việc này chỉ nói bằng miệng, không có gì chứng minh. Ông V làm nghề cưa cây, công việc không ổn định, nên bà S không rõ thu nhập trung bình của ông V là bao nhiêu, nhưng để đảm bảo cuộc sống tốt cho các con, cùng chia sẻ việc nuôi con. Bà S yêu cầu được nuôi con chung tên T. Bà S sống chung với cha mẹ ruột, cha mẹ bà S có thể hỗ trợ bà S chăm sóc con bà S trong những lúc bà S đi làm.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông Văn tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Tiến V trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà S trình bày là đúng, ông V không bổ sung gì thêm, hôn nhân giữa ông V và bà S là hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung giữa ông V và bà S hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng ý kiến, không hợp nhau về tính tình về lối sống, thường xuyên cãi nhau. Ông V, bà S ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà S, ông V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông V và bà S có 02 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 04/9/2021 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 27/8/2022, hiện 02 con chung đang sống với ông V. Ông V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau lần làm việc trên tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải tiếp theo và tại các phiên tòa ông V đều vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Tiến V đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Tiến V có nơi cư trú tại huyện X theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Tiến V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt ông V là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 13/CV – VKS ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, vì lý do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, tại thời điểm vụ án được đưa ra xét xử Viện kiểm sát không đủ Kiểm sát viên để tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông V xây dựng gia đình vào năm 2021 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2021, ngày 01/11/2021 tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng bà S và ông V trình bày là thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, từ tháng 6 năm 2022 đến nay bà S và ông V ly thân không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông V, ông V không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như việc bà S, ông V không còn sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà S và ông V.

Xét yêu cầu của bà S cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà S và ông V phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc, và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng từ tháng 6 năm 2022 đến nay bà S và ông V ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ*

chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Sau khi bà S gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải với mục đích bà S và ông V trở về chung sống cùng nhau nhưng không hòa giải được. Ông V không đồng ý ly hôn với bà S và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông V yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông V không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà S và ông V trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà S vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà S và ông V thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông V.

[3] Về con chung: Bà S và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 04/9/2021 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 27/8/2022.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà S:

Bà S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T, đồng ý để ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bà S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên T vì trong thời gian sinh con chung tên T gia đình ông V không thừa nhận cháu T là con chung của bà S và ông V, gia đình ông Văn c thừ nhận cháu L là con chung của ông V và bà S, việc này chỉ nói bằng miệng, bà S không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho Tòa án.

Xét thấy, bà S và ông V đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T, và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà S cho rằng bà S làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ đến 8.000.000đ và có cung cấp bảng lương cho Tòa án. Còn ông Văn q xác minh tại địa phương cho thấy *"Từ khi ông V đi cai nghiện ma túy về thì ông V cũng chưa có việc làm ổn định và ông V có đi cưa cây nhưng thu nhập cũng không ổn định, địa phương không biết thu nhập trung bình hàng tháng của ông V là bao nhiêu. Ông V đang sinh sống chung nhà với cha mẹ của ông V, cha mẹ của ông V thì làm rẫy"*. Ông V có tranh chấp về việc nuôi con chung tên T với bà S nhưng ông V không chứng minh thu nhập, chứng minh điều kiện nuôi con, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Văn chỉ đến Tòa án hòa giải 01 lần, những lần Tòa án mời hòa giải tiếp theo cũng như tại các phiên tòa ông V đều vắng mặt không có lý do, xem như ông Văn t từ bỏ yêu cầu của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tính đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án cả 02 con chung của bà S và ông V đều chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp*

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, không nhất thiết phải giao con chung tên T cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng mà ông V là người gián tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên T cũng là thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con. Do đó, giao con chung tên T cho bà S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung tên T của bà S. Bà S không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung tên T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên L mặc dù dưới 36 tháng tuổi nhưng bà S đồng ý để ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên L, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà S, ông V nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao con chung tên L cho ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông V không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung tên L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Tiến V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với ông Nguyễn Tiến V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với ông Nguyễn Tiến V.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Tiến V có 02 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 04/9/2021 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 27/8/2022.

Giao con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 04/9/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tiến V có trách nhiệm giao con chung tên T cho bà S nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu ông Nguyễn Tiến V cấp dưỡng nuôi con chung tên T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung tên Nguyễn Hà L, sinh ngày 27/8/2022 cho ông Nguyễn Tiến V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà S có trách nhiệm giao con chung tên L cho ông V nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tiến V không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung tên L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Tiến V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Tiến V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005406 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo